

Bản án số: 198/2017/HC-PT
Ngày 18 tháng 8 năm 2017
V/v “Khiếu kiện Quyết định hành chính
về quản lý đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Yên;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;

Ông Phạm Công Mười.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 182/2015/TLPT-HC ngày 14 tháng 12 năm 2015 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính về quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 07/2015/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 242/2016/QĐPT-HC ngày 10 tháng 6 năm 2016 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1944 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp 21, xã TT, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng.

*** Người bị kiện:**

1/. Chủ tịch UBND tỉnh ST (xin vắng mặt);

Địa chỉ: số 01 CVT, Phường 2, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp: Ông Triệu Công D – Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh ST (Có mặt).

2/. Chủ tịch UBND huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 1, thị trấn PL, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1940 (chết); Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng: Bà Nguyễn Thị H(Có mặt);
Địa chỉ: ấp 21, xã TT, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng.

* **Người kháng cáo:** Người khởi kiện – ông Nguyễn Văn K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Người khởi kiện ông Nguyễn Văn K trình bày:*

Ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T là chị em ruột, diện tích đất tranh chấp 1.777 m², nằm trong diện tích 7.676 m², thửa số 378, tờ bản đồ 5, tọa lạc ấp 21, xã TT, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng. Đất có nguồn gốc của cha mẹ là cụ Nguyễn Văn C (chết năm 1945) và cụ Nguyễn Thị E (chết năm 1986) để lại, các bên đều chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2012, ông K lập thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo ông K, nguyên trước đây diện tích đất của cụ C và cụ E là đất thổ cư khoảng 1.100m² (ngang 36m x dài 30m), trong quá trình chung sống với cụ C và cụ E ông là người trực tiếp khai hoang thêm phần đất xung quanh nên thổ cư nên diện tích mới rộng thêm là 7.676 m², thửa số 378 hiện nay. Đến năm 1989, bà Nguyễn Thị T về nghỉ hưu nên ông chia lại cho bà T sử dụng diện tích 650m². Sau khi nhận đất, bà T xây dựng nhà ở và hàng rào kiên cố xung quanh nhà. Diện tích đất còn lại ông quản lý sử dụng từ trước đến nay. Đến năm 2013, bà T xin thêm ông 03m chiều ngang để làm đường đi ra ruộng, ông không đồng ý từ đó phát sinh tranh chấp.

Ngày 10/11/2012 Ban nhân dân ấp 21 và ngày 10/01/2013 Hội đồng tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai xã TT tổ chức hòa giải nhưng đều không thành.

Ngày 16/5/2013, UBND xã TT tiếp tục hòa giải, tại buổi hòa giải này bà T yêu cầu ông K cho thêm 3m chiều ngang để làm đường đi nhưng ông K không đồng ý. Ngày 27/08/2013, UBND xã TT chuyển đơn của bà Nguyễn Thị T đến UBND huyện TT1 giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 20/01/2014, Chủ tịch UBND huyện TT1 ban hành Quyết định số 35/QĐ-CT.UBND về việc giải quyết đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị T với nội dung *“Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất có diện tích 1.537m², tại thửa số 378, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp 21, xã TT, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng”*. Không đồng ý với quyết định nên ông Khuyến khiếu nại.

Ngày 01/12/2014, Chủ tịch UBND tỉnh ST ban hành Quyết định số 63/QĐKN-CTUBND về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn K với nội dung: *“Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 35/QĐ-CT.UBND ngày 20/01/2014 của Chủ tịch UBND huyện TT1 về việc giải quyết đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị T là đúng quy định của pháp luật; Bác khiếu nại của ông Nguyễn Văn K, cư ngụ ấp 21, xã TT, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng”*.

Ngày 08/05/2015, ông Nguyễn Văn K khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 35/QĐ-CT.UBND ngày 20/01/2014 của Chủ tịch UBND

huyện TT1 và Quyết định số 63/QĐKN-CTUBND ngày 01/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng.

** Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh ST có ông Nguyễn Hùng A đại diện trình bày:* Diện tích đất tranh chấp giữa ông K và bà T 1.777m² nằm trong tổng diện tích 7.676m², thuộc số 378, tờ bản đồ số 5, tọa lạc ấp 21, xã TT, huyện TT1 được ghi nhận trong sổ mục kê ruộng đất do ông Đồng Văn Đ đứng tên. Năm 1995, UBND huyện TT1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm cho ông Đ nên đến ngày 22/8/2013 UBND huyện TT1 ban hành Quyết định số 1043/QĐ-UBND, thu hồi GCNQSDĐ của ông Đ để chỉnh lý trên phần đất cho đúng quy định.

Qua xác minh thì phần đất trên có nguồn gốc của cụ ông Nguyễn Văn C và cụ bà Nguyễn Thị E (cha, mẹ ruột của ông K và bà T) tạo lập. Năm 1945, cụ C chết, bốn người con sống chung với bà E. Sau đó, lần lượt bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị H1 lập gia đình và ra ở riêng, chỉ còn bà T và ông K sống với cụ E. Năm 1963, ông K lập gia đình nhưng không ra ở riêng mà vẫn sống chung với bà T và cụ E đến năm 1970 thì ông K mới chính thức ra ở riêng. Thời điểm ra riêng, ông K có cất một căn nhà lá (cách nhà cụ E khoảng 300m) để làm ruộng. Tuy nhiên, ông K vẫn sử dụng một phần diện tích đất thuộc thửa số 378 để trồng một số dừa.

Bà T tham gia Cách mạng từ năm 1960 đến năm 1977 nhưng vẫn thường xuyên lui tới gia đình, trong năm 1968, bà T hạ sinh con gái là Nguyễn Thị H, sau đó bà T và con gái tiếp tục sống với cụ E. Năm 1986, cụ E chết, thời gian này bà T chuyển công tác về huyện, phần nhà và đất bà T giao lại cho ông Nguyễn Văn S (cháu ruột bà T) trông coi. Đến năm 1989, bà T về hưu nên ông S trả lại cho bà T quản lý sử dụng đến nay.

Hiện nay, bà Nguyễn Thị T sử dụng diện tích 1.777m² (diện tích đang tranh chấp) gồm diện tích cất nhà ở 450,5m², diện tích 02 chuồng nuôi heo là 150,4m² và diện tích 1.176,1m² là đất trồng cây lâu năm. Diện tích ông K đang sử dụng là 5.899m², trên diện tích đất này ông K cũng đã xây dựng nhà kiên cố. Quyết định 63/QĐKN-CTUBND ban hành là có căn cứ và đúng pháp luật.

** Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện TT1 có ông Nguyễn Văn T2 đại diện trình bày:*

Trên cơ sở yêu cầu của bà Nguyễn Thị T, tại thời điểm giải quyết tranh chấp đất không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã qua hòa giải cơ sở nên UBND huyện thụ lý giải quyết. Về quá trình sử dụng đất, ông K không còn sử dụng đất tranh chấp từ năm 1970, bà T cùng mẹ là cụ E quản lý sử dụng đất tranh chấp từ năm 1970 đến khi cụ E chết thì bà T quản lý sử dụng từ đó đến nay. Quyết định 35/QĐ-CT.UBND ban hành là có căn cứ, đúng thẩm quyền và đúng luật định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà thống nhất với ông K về nguồn gốc đất tranh chấp. Theo bà T thì năm 1970 ông K ra ở riêng cách nhà cụ E khoảng 300m, nên bà sống chung với cụ E tại gia đình và quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp 1.777 m², còn ông K thì quản lý sử dụng diện tích đất còn lại là 5.899m². Năm 1986 cụ E chết, bà thì chuyển công tác về huyện TT1, lúc bấy giờ bà cho cháu ruột là Nguyễn Văn S (con người

chị) mượn ở và trông coi, năm 1989 bà về hưu nên ông S trả lại nhà và đất cho bà và bà quản lý sử dụng từ đó đến nay. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, bà T đồng ý để lại cho ông K diện tích 240m² và bà T chỉ yêu cầu công nhận cho bà diện tích 1.537m².

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2015/HC-ST ngày 29/9/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 30, Điều 138, Điều 163, Điều 164, Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 104, điểm c khoản 1 Điều 109, điểm đ khoản 1 Điều 120 và khoản 2 Điều 139 Luật Tố tụng hành chính; Áp dụng khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K về việc yêu cầu hủy Quyết định số 35/QĐ-CT.UBND ngày 20/01/2014 của Chủ tịch UBND huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng.

Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn K về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng hủy Quyết định số 63/QĐKN-CTUBND ngày 01/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2015, người khởi kiện ông Nguyễn Văn K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện và giữ nguyên bản án số 07/2015/HC-ST ngày 29/09/2015 về việc khởi kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, của người khởi kiện, người bị kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về hình thức đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Xét nội dung đơn kháng cáo và đối chiếu với bản án sơ thẩm đã xét xử thì thấy:

Về đối tượng khởi kiện: Căn cứ Điều 28 Luật tố tụng hành chính (2010) và Nghị quyết 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Quyết 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tố tụng hành chính cấp sơ thẩm xác định đúng đối tượng khởi kiện.

Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 104 Luật tố tụng hành chính (2010) cấp sơ thẩm xác định quyết định số 35 hết thời hiệu khởi kiện và quyết định số 63 còn thời hiệu khởi kiện là phù hợp.

Về nội dung: Xem xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của quyết định số 63/QĐKN-CT-UBND ngày 01.12.2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh Sóc Trăng.

Xét thấy: Diện tích đất đang tranh chấp 1.777m^2 nằm trong diện tích 7.676m^2 , thửa số 378, tờ bản đồ 5, tọa lạc ấp 21, xã TT, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng. Đất có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn C (chết năm 1945) và cụ Nguyễn Thị E (chết năm 1986) là cha mẹ của ông K bà T. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2012, ông K lập thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua diện tích đất bà T sử dụng từ trước đến nay, do không thống nhất ranh đất và ông K không cho bà T kéo lúa vào phần đất nên phát sinh tranh chấp. Qua các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Năm 1970, ông K ra ở riêng, khi ra riêng ông K cất một căn nhà lá (cách nhà cụ E khoảng 300m) để làm ruộng nhưng ông K vẫn sử dụng một phần diện tích đất thuộc thửa số 378 để trồng một số dừa. Bà T tuy tham gia cách mạng vẫn thường xuyên lui tới gia đình và chung sống với cụ E, năm 1986, cụ E chết, lúc bấy giờ phần nhà đất của cụ E bà T giao lại cho ông Nguyễn Văn S (cháu ruột bà T) trông coi. Đến năm 1989, bà T về hưu nên ông S trả lại nhà đất cho bà T quản lý gồm: diện tích cất nhà ở $450,5\text{m}^2$, diện tích 02 chuồng heo là $150,4\text{m}^2$ và diện tích $1.176,1\text{m}^2$ là đất trồng cây lâu năm. Như vậy thực tế ông K không còn sử dụng phần đất này từ năm 1970, cụ E và bà T đã quản lý, sử dụng từ năm 1970 đến nay. Trong quá trình giải quyết tranh chấp bà T tự nguyện giao cho ông K diện tích 240m^2 (trong diện tích 1.777m^2). Do đó, xác định nội dung giải quyết tranh chấp của Ủy ban nhân dân huyện TT1 (quyết định số 35) là đúng pháp luật đất đai năm 2003 và Nghị định 181.

Về thẩm quyền: Căn cứ khoản 1, 2 và 5 Điều 50, khoản 2 Điều 136 Luật đất đai năm 2003 xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong trường hợp này thuộc Ủy ban nhân dân là phù hợp vì: Toàn bộ diện tích đất tại thửa 378 tuy trước đây đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đồng Văn Đ nhưng thực tế không phải đất của ông Đ mà đất do ông K bà T quản lý, sử dụng. Việc cấp đất cho ông Đ là không đúng đối tượng. Do đó, ngày 02/8/2013 Ủy ban nhân dân huyện TT1 ra quyết định số 1043/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận của ông Đ, nên tại thời điểm tranh chấp đất xác định đất của ông K bà T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Ủy ban nhân dân.

Không đồng ý với quyết định 35, ông Nguyễn Văn K tiếp tục khiếu nại, ngày 01/12/2014 Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh Sóc Trăng ban hành quyết định số 63/QĐKN-CT-UBND về việc bác khiếu nại và giữ y Quyết định số 35 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TT1. Xét thấy việc ban hành quyết định số 63 là phù hợp và có căn cứ nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K là đúng quy định pháp luật.

Xét thấy, cấp sơ thẩm xét xử phù hợp theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hôm nay phía người khởi kiện cũng không đưa ra được những chứng cứ khác nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn K.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát cấp cao đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện, giữ y bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Do kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn K.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2015/HC-ST ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân tỉnh Sóc Trăng

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 30, Điều 138, Điều 163 và Điều 164, Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 104, điểm c khoản 1 Điều 109, điểm đ khoản 1 Điều 120 và khoản 2 Điều 139 Luật tố tụng hành chính(2010)

Áp dụng khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa Án

Tuyên xử:

Đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K về việc hủy Quyết định số 35/QĐ-CT.UBND ngày 20/01/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K về việc yêu cầu hủy Quyết định số 63/QĐKN-CT.UBND ngày 01/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban tỉnh Sóc Trăng.

Ông Nguyễn Văn K phải chịu 200.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 009054 ngày 14/10/2015 của cục thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Đương sự;
- Lưu HS, Vp, (Án HTKN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Văn Yên